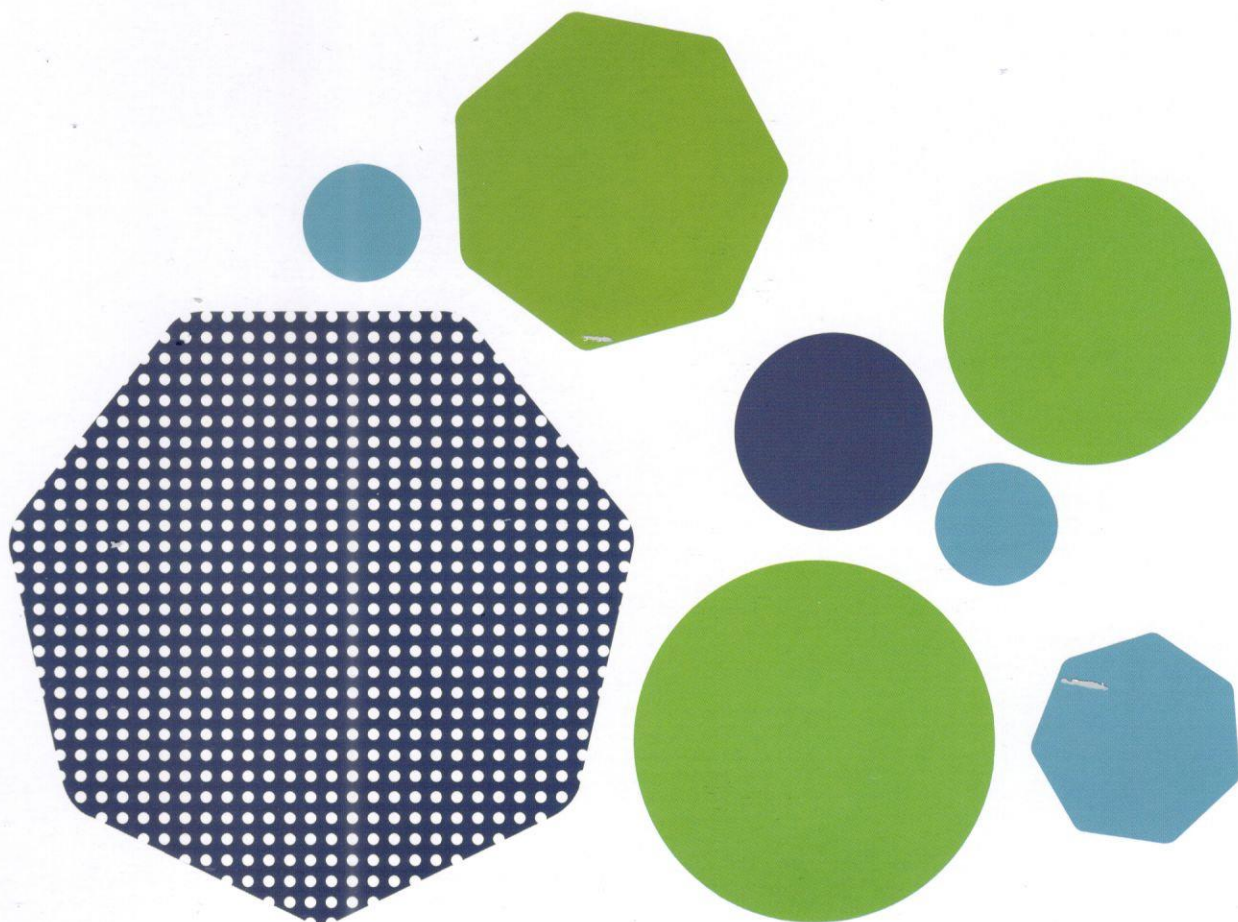




Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch
Ông Trần Đăng Công	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đăng Phi	Thành viên
Ông Chu Văn Phương	Thành viên
Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên
Ông Phạm Duy Ga	Thành viên

#### **Ban Giám đốc điều hành**

Ông Trần Đăng Công	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Cường	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập báo cáo này là bà Trần Thị Việt Oanh.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Đặng Công**  
**Tổng Giám đốc**

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Số: 42 /2023/UHY - BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16/02/2023 trình bày từ trang 06 đến trang 35 bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

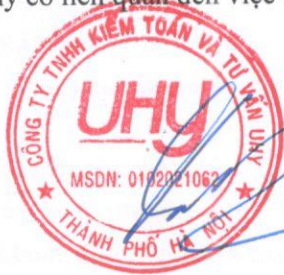
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**Phạm Gia Đạt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHNKT số: 0798-2023-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2023*

---

**Hoàng Thị Nga**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHNKT số: 4079-2023-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>155.775.518.959</b>	<b>121.907.482.560</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.501.259.521	13.549.651.827
Tiền	111		7.501.259.521	13.549.651.827
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.250.000.000	500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.250.000.000	500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.394.507.066	66.509.269.328
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	75.579.738.086	65.846.009.518
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	15.840.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	814.768.980	647.419.810
Hàng tồn kho	140		69.693.613.120	40.993.473.891
Hàng tồn kho	141	8	69.693.613.120	40.993.473.891
Tài sản ngắn hạn khác	150		936.139.252	355.087.514
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	244.575.409	137.495.806
Thuế GTGT được khấu trừ	152		567.508.978	217.591.708
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		124.054.865	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>37.243.901.718</b>	<b>32.070.647.060</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.097.374.281	1.134.454.596
Phải thu dài hạn khác	216	7	2.097.374.281	1.134.454.596
Tài sản cố định	220		30.605.429.163	27.270.556.389
Tài sản cố định hữu hình	221	11	22.755.335.056	19.041.307.781
- Nguyên giá	222		38.488.717.262	31.521.293.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.733.382.206)	(12.479.985.299)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	7.850.094.107	8.229.248.608
- Nguyên giá	225		10.372.909.091	10.450.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.522.814.984)	(2.220.751.392)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.332.948.500	745.948.500
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.332.948.500	745.948.500
Đầu tư tài chính dài hạn	250		600.000.000	600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	600.000.000	600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.608.149.774	2.319.687.575
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.608.149.774	2.319.687.575
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>193.019.420.677</b>	<b>153.978.129.620</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>90.566.991.523</b>	<b>64.405.218.196</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>83.352.875.494</b>	<b>52.973.469.824</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	30.558.683.543	16.109.827.628
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.280.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	3.484.268.716	3.101.263.041
Phải trả người lao động	314		227.490.378	231.315.339
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		449.004.333	286.963.160
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	6.400.000	4.005.557
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	14.016.696	242.049
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	48.610.731.828	32.333.174.634
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	906.678.416
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.214.116.029</b>	<b>11.431.748.372</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	15	2.639.634	13.746.190
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	7.211.476.395	11.418.002.182
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>102.452.429.154</b>	<b>89.572.911.424</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>102.452.429.154</b>	<b>89.572.911.424</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		84.509.400.000	75.456.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		84.509.400.000	75.456.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(134.050.000)	(134.050.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.385.056.475	2.720.035.248
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.692.022.679	11.530.456.176
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		812.504.949	430.314.661
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.879.517.730	11.100.141.515
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>193.019.420.677</b>	<b>153.978.129.620</b>

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 02 năm 2023



Trần Đặng Công

Kế toán trưởng

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	269.737.040.353	170.559.004.228
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	84.680.000	199.661.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		269.652.360.353	170.359.343.228
Giá vốn hàng bán	11	20	242.878.043.082	149.148.471.791
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.774.317.271	21.210.871.437
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	207.464.619	86.120.460
Chi phí tài chính	22	22	5.387.616.579	3.934.247.966
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.266.556.967	3.923.426.046
Chi phí bán hàng	25	23	899.755.975	462.516.211
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	4.157.754.846	2.571.879.887
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.536.654.490	14.328.347.833
Thu nhập khác	31		474.069	-
Chi phí khác	32	24	180.133.809	354.142.032
Lợi nhuận khác	40		(179.659.740)	(354.142.032)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.356.994.750	13.974.205.801
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.477.477.020	2.874.064.286
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.879.517.730	11.100.141.515
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.524	1.624
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	1.524	1.624

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 02 năm 2023



Trần Đăng Công

Kế toán trưởng

Trần Thị Việt Oanh

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		16.356.994.750	13.974.205.801
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.557.117.657	2.860.369.680
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(31.725.914)	(14.262.600)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(118.902.505)	296.990.529
Chi phí lãi vay	06		5.266.556.967	3.923.426.046
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		25.030.040.955	21.040.729.456
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.095.112.620)	(20.323.772.002)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.700.139.229)	(12.525.655.133)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.611.991.640	12.495.290.331
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(312.354.558)	(411.651.443)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.216.543.634)	(3.923.426.046)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.874.064.286)	(1.361.682.437)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(906.678.416)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		(9.462.860.148)	(5.010.167.274)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21		(6.748.116.192)	(7.176.380.667)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.835.676.804	2.648.404.142
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(750.000.000)	(500.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		75.355.823	48.118.444
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(5.587.083.565)	(4.979.858.081)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	32.865.880.000
Tiền thu từ đi vay	33		111.549.942.741	67.215.818.252
Tiền trả nợ gốc vay	34		(99.102.006.638)	(73.436.015.700)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(3.446.384.696)	(4.161.143.370)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.980.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		9.001.551.407	20.504.539.182
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		(6.048.392.306)	10.514.513.827
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.549.651.827	3.035.138.000
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	7.501.259.521	13.549.651.827

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 02 năm 2023



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Đặng Công

Trần Thị Việt Oanh

Nguyễn Thị Nga

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2500287403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc thay đổi lần 9 ngày 05/08/2022. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 84.509.400.000 đồng, chia thành 8.450.940 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Đặng Công.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 04 tháng 07 năm 2019 với mã chứng khoán là PGN.

Số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2022 là 50 người (tại ngày 31/12/2021 là 39 người).

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2022 bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su.;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa;

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2.2 KỶ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp hàng tồn kho lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản chi phí trả trước liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10

**3.8 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.9 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trong năm.

**3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3.11 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.12 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền, phải thu ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	4.223.438.092	6.455.850.262
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.277.821.429	7.093.801.565
	<b>7.501.259.521</b>	<b>13.549.651.827</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
- <b>Ngắn hạn</b>	<b>1.250.000.000</b>	-	<b>500.000.000</b>	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	1.250.000.000	-	500.000.000	-
- <b>Dài hạn</b>	<b>600.000.000</b>	-	<b>600.000.000</b>	-
+ Các khoản trái phiếu (*)	600.000.000	-	600.000.000	-
	<b>1.850.000.000</b>	-	<b>1.100.000.000</b>	-

(\*) Bao gồm:

- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2018 với số lượng trái phiếu sở hữu là 30 trái phiếu tại ngày 29/06/2018, mệnh giá trái phiếu 10.000.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng lãi suất tham chiếu +0,8%/năm. Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ. Ngày phát hành: 29/06/2018, ngày đáo hạn: 29/06/2028. Phương thức thanh toán lãi, gốc: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi là một ngày tròn năm kể từ ngày phát hành và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong năm 2019, riêng tiền lãi cho kỳ thanh toán lãi thứ 10 của Trái phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái phiếu vào ngày đáo hạn. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của các điều khoản và điều kiện của Trái phiếu, các Trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của Trái phiếu đó vào ngày đáo hạn. Tại thời điểm 31/12/2022, trái phiếu này đang được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.
- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020 với số lượng trái phiếu sở hữu là 3000 trái phiếu tại ngày 30/07/2020, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 1,0%/năm. Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ. Ngày phát hành: 30/07/2020, ngày đáo hạn: 30/07/2030. Phương thức thanh toán lãi, gốc: Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu. Nếu trái phiếu 2030 được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 05 (năm) sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của trái phiếu 2030 và tiền lãi năm thứ 05 (năm) sẽ được thanh toán cùng tiền gốc trái phiếu 2030 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030. Nếu ngày thanh toán lãi trái phiếu 2030 và/hoặc ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đáo hạn trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Tại thời điểm 31/12/2022, trái phiếu này đang được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>75.579.738.086</b>	-	<b>65.846.009.518</b>	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	33.805.784.758	-	28.883.443.753	-
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	25.139.995.934	-	15.143.943.005	-
- Công ty Cổ phần An Tiến Industries	4.272.840.000	-	1.481.249.000	-
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	7.087.676.887	-	6.466.533.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	-	-	5.288.910.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.273.440.507	-	8.581.930.760	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>75.579.738.086</b>	-	<b>65.846.009.518</b>	-
(Chi tiết tại thuyết minh số 27)	<b>66.033.457.579</b>	-	<b>50.493.919.758</b>	-

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>814.768.980</b>	-	<b>647.419.810</b>	-
- Lãi dự thu	68.075.140	-	16.511.251	-
- Ký cược, ký quỹ	622.443.283	-	622.443.283	-
- Phải thu khác	124.250.557	-	8.465.276	-
<b>Dài hạn</b>	<b>2.097.374.281</b>	-	<b>1.134.454.596</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	1.714.646.851	-	705.595.000	-
- Phải thu khác	382.727.430	-	428.859.596	-
	<b>2.912.143.261</b>	-	<b>1.781.874.406</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	58.577.410.789	-	35.037.299.667	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	56.898.615	-	52.750.512	-
- Thành phẩm	11.059.303.716	-	5.898.143.712	-
- Hàng hóa	-	-	5.280.000	-
	<b>69.693.613.120</b>	-	<b>40.993.473.891</b>	-

Giá trị hàng tồn kho đang cầm cố thế chấp cho các khoản vay tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần tại ngày 31/12/2022 là: 59.508.974.963 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>244.575.409</b>	<b>137.495.806</b>
- Chi phí mua bảo hiểm	191.117.937	117.782.447
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.386.323	3.349.472
- Các khoản khác	32.071.149	16.363.887
<b>Dài hạn</b>	<b>2.608.149.774</b>	<b>2.319.687.575</b>
- Chi phí đền bù xây dựng	1.157.128.021	1.189.270.465
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	487.294.974	567.816.048
- Chi phí mua bảo hiểm	94.926.513	79.641.176
- Các khoản khác	868.800.266	482.959.886
	<b>2.852.725.183</b>	<b>2.457.183.381</b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>01/01/2022</b>	<b>10.450.000.000</b>	<b>10.450.000.000</b>
- Thuê tài chính trong năm	2.812.909.091	2.812.909.091
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.890.000.000)	(2.890.000.000)
<b>31/12/2022</b>	<b>10.372.909.091</b>	<b>10.372.909.091</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
<b>01/01/2022</b>	<b>2.220.751.392</b>	<b>2.220.751.392</b>
- Khấu hao trong năm	1.650.017.194	1.650.017.194
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.347.953.602)	(1.347.953.602)
<b>31/12/2022</b>	<b>2.522.814.984</b>	<b>2.522.814.984</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>01/01/2022</b>	<b>8.229.248.608</b>	<b>8.229.248.608</b>
<b>31/12/2022</b>	<b>7.850.094.107</b>	<b>7.850.094.107</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2022	20.320.214.327	10.237.876.935	963.201.818	31.521.293.080
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.661.284.543	3.312.918.182	6.974.202.725
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	2.890.000.000	-	2.890.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.896.778.543)	-	(2.896.778.543)
31/12/2022	20.320.214.327	13.892.382.935	4.276.120.000	38.488.717.262
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
01/01/2022	3.292.878.040	8.649.586.017	537.521.242	12.479.985.299
- Khấu hao trong năm	849.762.144	788.902.967	268.435.352	1.907.100.463
- Khấu hao chuyển từ TSCĐ thuế tài chính khi mua lại	-	1.347.953.602	-	1.347.953.602
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.657.158)	-	(1.657.158)
31/12/2022	4.142.640.184	10.784.785.428	805.956.594	15.733.382.206
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2022	17.027.336.287	1.588.290.918	425.680.576	19.041.307.781
31/12/2022	16.177.574.143	3.107.597.507	3.470.163.406	22.755.335.056

- Nguyên giá tài sản có định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 8.064.594.943 đồng.

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là: 19.621.484.060 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.558.683.543</b>	<b>30.558.683.543</b>	<b>16.109.827.628</b>	<b>16.109.827.628</b>
- Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	915.112.000	915.112.000	679.932.000	679.932.000
- Công ty TNHH Đức Minh	-	-	969.855.000	969.855.000
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Chailease	7.736.737.010	7.736.737.010	5.846.431.572	5.846.431.572
- Công ty TNHH CEN Việt Nam	-	-	1.178.100.000	1.178.100.000
- Công ty CP Nhựa Châu Âu	-	-	5.302.550.000	5.302.550.000
- Công ty TNHH Xây dựng Phú Thịnh	449.552.068	449.552.068	1.029.552.068	1.029.552.068
- Trung Tâm Triển Khai Công Nghệ	777.600.000	777.600.000	-	-
- Công ty TNHH Kiều An	545.700.000	545.700.000	-	-
- Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Công Nghiệp Sun Beam Việt Nam	1.331.632.000	1.331.632.000	-	-
- Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	16.935.150.960	16.935.150.960	-	-
- Công ty TNHH CEN TECH	614.091.824	614.091.824	-	-
- Đối tượng khác	1.253.107.681	1.253.107.681	1.103.406.988	1.103.406.988
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>30.558.683.543</b>	<b>30.558.683.543</b>	<b>16.109.827.628</b>	<b>16.109.827.628</b>
(Chi tiết tại thuyết minh số 27)	<b>17.157.750.960</b>	<b>17.157.750.960</b>	<b>4.730.000</b>	<b>4.730.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	1.064.194.727	1.064.194.727	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.874.064.286	3.477.477.020	2.874.064.286	3.477.477.020
- Thuế thu nhập cá nhân	10.790.794	237.713.371	241.712.469	6.791.696
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	216.407.961	186.786.050	403.194.011	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	365.698.317	365.698.317	-
	<b>3.101.263.041</b>	<b>5.334.869.485</b>	<b>4.951.863.810</b>	<b>3.484.268.716</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (1)	48.610.731.828	48.610.731.828	110.925.547.645	94.647.990.451	32.333.174.634	32.333.174.634
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	44.534.391.801	44.534.391.801	106.804.942.741	90.364.006.638	28.093.455.698	28.093.455.698
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	24.493.101.735	24.493.101.735	54.654.546.951	51.737.606.416	21.576.161.200	21.576.161.200
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (4)	5.342.430.400	5.342.430.400	9.741.062.400	7.417.632.000	3.019.000.000	3.019.000.000
- Ông Chu Văn Phương (5)	6.715.141.280	6.715.141.280	24.125.831.320	20.908.984.538	3.498.294.498	3.498.294.498
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>						
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (6)	4.076.340.027	4.076.340.027	4.120.604.904	4.283.983.813	4.239.718.936	4.239.718.936
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaitlease - CN Hà Nội (7)	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
<b>Vay và nợ dài hạn</b>						
- Vay dài hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (6)	2.276.340.027	2.276.340.027	2.320.604.904	2.483.983.813	2.439.718.936	2.439.718.936
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaitlease - CN Hà Nội (7)	7.211.476.395	7.211.476.395	7.814.480.000	12.021.005.787	11.418.002.182	11.418.002.182
- Vay dài hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (6)	2.171.000.000	2.171.000.000	-	1.800.000.000	3.971.000.000	3.971.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaitlease - CN Hà Nội (7)	1.990.476.395	1.990.476.395	3.069.480.000	3.283.005.787	2.204.002.182	2.204.002.182
- Ông Trần Đặng Công (8)	3.050.000.000	3.050.000.000	4.745.000.000	6.938.000.000	5.243.000.000	5.243.000.000
	<b>55.822.208.223</b>	<b>55.822.208.223</b>	<b>118.740.027.645</b>	<b>106.668.996.238</b>	<b>43.751.176.816</b>	<b>43.751.176.816</b>



**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Theo hợp đồng vay hạn mức 300113395/2022-HĐCVHM/NHCTT246-PHUGIANHUA ngày 07/06/2022 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng là 24,5 tỷ đồng, lãi suất thả nổi, mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 07/06/2022 đến ngày 07/06/2023. Thời hạn cho vay: được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Tài sản đảm bảo bao gồm:
  - Hợp đồng thế chấp số 10520401/HĐTC ngày 04/01/2010 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm: Giá trị san nền, nhà xưởng, nhà điều hành, nhà kho, công trình phụ trợ và vật kiến trúc xây dựng trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM678768. Trị giá hợp đồng 1.968 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/ bảo lãnh tối đa 1.377,6 triệu đồng, trong đó đảm bảo cho hợp đồng này là 460 triệu đồng;
  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 11561410/HĐTC ngày 18/10/2011 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm nhà kho và máy móc thiết bị. Tổng giá trị hợp đồng 3.544 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 1.273,8 triệu đồng;
  - Hợp đồng thế chấp số 001.300113395.2016/HĐTC ngày 14/04/2016 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu Suzuki thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa. Trị giá hợp đồng 236 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 165,2 triệu đồng;
  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.300113395/2018/BBĐG ngày 01/02/2018 và các Văn bản sửa đổi bổ sung; tài sản thế chấp là quyền sử dụng 78,6m<sup>2</sup> đất ở và tài sản trên đất là nhà ở 02 tầng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 326525; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 43.MK.2006/99.2006.QĐUB do UBND quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội cấp ngày 30/06/2006. Trị giá hợp đồng 5.710 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 4.282 triệu đồng;
  - Hợp đồng thế chấp số 01/300113395/2017/HĐTC ngày 14/06/2017 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp là 02 hệ thống lọc bụi máy nghiền năm 2015. Trị giá hợp đồng 640 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 192 triệu đồng;
  - Hợp đồng thế chấp số 13.38524/2018/HĐBĐ/NHCT246-PGN ngày 26/10/2018 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp là xe ô tô tải (có mui) Thaco Ollin 700B thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa; giá trị định giá là 487 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa là 487 triệu đồng;
  - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02.300113395/2020/HĐBĐ/NHCT246 ngày 03/08/2020, tài sản cầm cố là 3.000 Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng ngày 30/07/2020, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (2) Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 570/2022/HDDTD/TTKD HO ngày 05/12/2022 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày 05/12/2022, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động thương mại hạt nhựa, hóa chất công nghiệp, chất phụ gia. Tài sản đảm bảo gồm:
  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 305/2022/HDBD/TTKD HO ngày 08/06/2022, tài sản cầm cố là ô tô Mercedes-Benz GLC 300 4Matic 253384 màu đen mang biển kiểm soát 88A-520.51 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa. Giá trị chiếc xe đảm bảo là 2,328 tỷ đồng.
  - Hợp đồng thế chấp tài sản số 306/2022/HDBD/TTKD HO ngày 08/06/2022, tài sản cầm cố là ô tô Toyota Innova 2.0G TGN140L-MUTHKU màu đồng mang biển kiểm soát 88A-520.65 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa. Giá trị chiếc xe đảm bảo là 808 triệu đồng.
- (3) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 05082022-3996349-01-SME ngày 08/08/2022 được ký giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 2,5 tỷ đồng. Thời hạn cho vay kể từ ngày ký kết Hợp đồng, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất, buôn bán hóa chất, phụ gia nhựa. Tài sản đảm bảo được quy định chi tiết trong Hợp đồng bảo đảm số 01/HDBL ký ngày 05/09/2022.
- (4) Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 160DDA/2022/HDDTD ngày 15/04/2022 giữa Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 5 tỷ đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày 12/04/2022, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty
- (5) Hợp đồng vay số 01/2022/HDCV-CVP-PGN ngày 01/03/2022 giữa ông Chu Văn Phương và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với số tiền cho vay là 3 tỷ đồng, lãi suất 7,6%/năm. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- (6) Là khoản vay dài hạn giữa Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:
  - Hợp đồng vay dự án số 01.113395/2020-HĐCVDAT/NHCT246-PHUGIANHUA ngày 16/01/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc với Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 7,8 tỷ đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích cho vay thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Thi công xây dựng nhà xưởng sản xuất số 2 tại Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Phụ Gia Nhựa làm chủ đầu tư. Tài sản thế chấp bao gồm:

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 11561410/HĐTC ngày 18/10/2011 và các Văn bản sửa đổi, bổ sung; tài sản thế chấp bao gồm nhà kho và máy móc thiết bị. Tổng trị giá hợp đồng 3.544.419.000 đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 1.273,8 triệu đồng.
- + Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 và các Văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.300113395/2018/HĐBĐ/NHCT246 ngày 01/02/2018 và các Văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

Theo hợp đồng vay từng lần 01/2018 – HĐCVTL/NHCT246-PGN ngày 31/10/2018 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc với Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng là 340 triệu đồng. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Mục đích sử dụng vốn vay để mua xe ô tô tải Thaco Ollin phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 13.38524/2018/HĐBĐ/NHCT246-PGN và các Văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan, tài sản thế chấp bao gồm xe ô tô tải có mui Thaco Ollin 700B 03 chỗ ngồi được sản xuất năm 2017. Đi kèm theo là các thiết bị, linh kiện, phụ tùng, phụ kiện, thiết bị liên lạc, thiết bị định vị và các thiết bị khác được lắp đặt cho và gắn liền với tài sản. Giá trị của tài sản thế chấp được định giá là 487 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/ bảo lãnh tối đa 340 triệu đồng.

(7) Là khoản nợ thuế tài chính giữa CTCP Phụ Gia Nhựa và Công ty cho thuê tài chính MTV Quốc tế Chailease – CN Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số C200924512 ngày 16/10/2020, tài sản cho thuê tài chính bao gồm 04 hệ thống máy nghiền. Tổng giá trị tiền thuê gốc là 1.151.000.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C201022512 ngày 28/10/2020, tài sản cho thuê tài chính bao gồm 04 hệ thống hút lọc tách bụi máy nghiền. Tổng giá trị tiền thuê gốc là 2.156.000.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C201041812 ngày 20/01/2021, tài sản cho thuê tài chính là 01 hệ thống thiết bị phản ứng STEARATE bao gồm 02 chiếc bình phản ứng hoá học, 01 chiếc băng chuyền tán nhiệt. Tổng giá trị tiền thuê gốc là 2.450.000.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C211103612 ngày 08/11/2021, tài sản cho thuê là 03 buồng sấy khô sản phẩm với giá trị tiền thuê gốc là 1.740.000.000 đồng, thời hạn cho thuê là 40 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (8) Theo hợp đồng vay giữa ông Trần Đặng Công với Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với các hợp đồng vay lần lượt như sau
- Hợp đồng vay số 01/2022/HĐCV-TĐC-PGN ngày 16/01/2022 với số tiền cho vay là 100 triệu đồng, lãi suất 7,5%/năm. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động.
  - Hợp đồng vay số 02/2022/HĐCV-TĐC-PGN ngày 29/01/2022 với số tiền cho vay là 4.350.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động.
  - Hợp đồng vay số 0301/2022/HĐCV-PGN ngày 03/01/2022 với số tiền cho vay là 8.000.000.000 đồng, lãi suất 7,5%/năm. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích sử dụng vốn để bổ sung vốn lưu động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.400.000</b>	<b>4.005.557</b>
- Các khoản khác	6.400.000	4.005.557
<b>Dài hạn</b>	<b>2.639.634</b>	<b>13.746.190</b>
- Chênh lệch giá bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại thuê tài chính	2.639.634	13.746.190
	<b>9.039.634</b>	<b>17.751.747</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.016.696</b>	<b>242.049</b>
- Kinh phí công đoàn	14.016.696	242.049
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>14.016.696</b>	<b>242.049</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	VND	VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2021</b>	<b>33.000.000.000</b>	-	-	<b>1.273.007.505</b>	<b>11.816.224.985</b>	<b>46.089.232.490</b>
- Tăng vốn trong năm nay	42.456.470.000	(134.050.000)	-	-	(9.456.540.000)	32.865.880.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	11.100.141.515	11.100.141.515
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.447.027.743	(1.929.370.324)	(482.342.581)
<b>31/12/2021</b>	<b>75.456.470.000</b>	<b>(134.050.000)</b>	<b>(134.050.000)</b>	<b>2.720.035.248</b>	<b>11.530.456.176</b>	<b>89.572.911.424</b>
<b>01/01/2022</b>	<b>75.456.470.000</b>	<b>(134.050.000)</b>	<b>(134.050.000)</b>	<b>2.720.035.248</b>	<b>11.530.456.176</b>	<b>89.572.911.424</b>
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	9.052.930.000	-	-	-	(9.052.930.000)	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	12.879.517.730	12.879.517.730
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	1.665.021.227	(1.665.021.227)	-
<b>31/12/2022</b>	<b>84.509.400.000</b>	<b>(134.050.000)</b>	<b>(134.050.000)</b>	<b>4.385.056.475</b>	<b>13.692.022.679</b>	<b>102.452.429.154</b>

(\*): Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2105/2022/NQ-DHDCĐ ngày 21/05/2022 của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	75.456.470.000	33.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	9.052.930.000	42.456.470.000
+ Vốn góp cuối năm	84.509.400.000	75.456.470.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.052.930.000	9.456.540.000

**17.3 CỔ PHIẾU**

	31/12/2022 CP	01/01/2022 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.450.940	7.545.647
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.450.940	7.545.647
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.450.940	7.545.647
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.450.940	7.545.647
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.450.940	7.545.647
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Doanh thu bán hàng	266.294.086.010	167.361.689.083
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.442.954.343	3.197.315.145
	<b>269.737.040.353</b>	<b>170.559.004.228</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 27)	<b>191.306.742.072</b>	<b>106.940.730.416</b>

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	84.680.000	199.661.000
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	84.680.000	-
- Hàng bán bị trả lại	-	199.661.000
	<b>84.680.000</b>	<b>199.661.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	241.629.586.350	147.944.236.756
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.248.456.732	1.204.235.035
	<b>242.878.043.082</b>	<b>149.148.471.791</b>

**21. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	118.454.436	52.553.305
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	57.284.269	19.304.555
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	31.725.914	14.262.600
	<b>207.464.619</b>	<b>86.120.460</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	5.266.556.967	3.923.426.046
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	121.059.612	10.821.920
	<b>5.387.616.579</b>	<b>3.934.247.966</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>4.157.754.846</b>	<b>2.571.879.887</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.157.049.531	1.246.814.355
- Chi phí đồ dùng văn phòng	42.736.933	43.463.817
- Thuế phí, lệ phí	128.659.024	79.273.273
- Chi phí khấu hao TSCĐ	405.718.040	117.916.295
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.215.307.831	986.898.341
- Chi phí quản lý khác	208.283.487	97.513.806
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>899.755.975</b>	<b>462.516.211</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	261.099.208	171.985.906
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	634.150.878	290.530.305
- Chi phí bán hàng khác	4.505.889	-

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Các khoản phạt	180.133.809	4.598.198
- Thanh lý, phá dỡ TSCĐ	-	349.543.834
	<b>180.133.809</b>	<b>354.142.032</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

**25.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận hoặc lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.879.517.730	11.100.141.515
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.879.517.730	11.100.141.515
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm (CP)	7.545.647	5.887.551
Số cổ phiếu bình quân phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu (CP)	905.293	945.654
Tổng số cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh (CP)	8.450.940	6.833.205
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.524</b>	<b>1.624</b>

**25.2 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	237.233.383.980	141.508.314.204
- Chi phí nhân công	7.070.750.873	4.999.852.236
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.557.117.657	2.860.369.680
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.030.030.189	2.002.489.425
- Chi phí khác bằng tiền	3.238.248.052	633.592.997
	<b>253.129.530.751</b>	<b>152.004.618.542</b>

**27. THÔNG TIN KHÁC**

**27.1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	2.812.909.091	4.609.000.000
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	111.549.942.741	67.215.818.252
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	99.102.006.638	73.436.015.700

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang,

Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****27.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Giám đốc kinh doanh của Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát
2	Công ty CP Hóa chất Thăng Long	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Hóa chất Thăng Long
3	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát; Thành viên HĐQT của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát
4	Công ty Cổ Phần Nhựa Thiều Niên Tiên Phong	Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Nhựa thiều niên Tiên Phong.
5	Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
6	Ông Trần Đặng Phi	Thành viên Hội đồng Quản trị
7	Ông Chu Văn Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị
8	Ông Trần Đặng Công	Tổng Giám đốc
9	Bà Trần Việt Oanh	Kế toán trưởng Công ty

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>733.064.600</b>	<b>219.142.759</b>
- Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch	-
- Ông Trần Đặng Công	Phó Chủ tịch	733.064.600
- Ông Trần Đặng Phi	Thành viên	-
- Ông Chu Văn Phương	Thành viên	-
- Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên	-
- Ông Phạm Duy Ga	Thành viên	-
<b>Ban Giám đốc điều hành</b>	<b>1.338.702.167</b>	<b>546.326.403</b>
- Ông Trần Đặng Công	Tổng Giám đốc	733.064.600
- Ông Nguyễn Trọng Cường	Phó Tổng Giám đốc	334.472.214
- Bà Dương Thị Hải Hà	Giám đốc sản xuất	271.165.353

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>191.306.742.072</b>	<b>106.940.730.416</b>
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	123.745.865.300	70.915.653.203
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	18.525.759.000	10.318.032.545
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	49.035.117.772	25.707.044.668

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA**

Thôn Minh Quyết, Phường Khai Quang,

Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****27.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>199.776.223.030</b>	<b>110.853.440.140</b>
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	99.844.251.750	63.484.310.890
- Công ty CP Hóa chất Thăng Long	938.929.000	1.180.697.500
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	80.352.270.000	46.188.431.750
- Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiên Phong	18.640.772.280	-
<b>Vay bên liên quan</b>	<b>7.745.000.000</b>	<b>5.560.000.000</b>
- Ông Trần Đăng Công	4.745.000.000	5.470.000.000
- Ông Chu Văn Phương	3.000.000.000	-
- Bà Trần Thị Việt Oanh	-	90.000.000
<b>Trả gốc vay bên liên quan</b>	<b>6.938.000.000</b>	<b>8.993.000.000</b>
- Ông Trần Đăng Công	6.938.000.000	8.700.000.000
- Ông Trần Đăng Phi	-	203.000.000
- Bà Trần Thị Việt Oanh	-	90.000.000

**Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>66.033.457.579</b>	<b>50.493.919.758</b>
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	33.805.784.758	28.883.443.753
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	7.087.676.887	6.466.533.000
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	25.139.995.934	15.143.943.005
<b>Phải trả người bán</b>	<b>17.157.750.960</b>	<b>4.730.000</b>
- Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	222.600.000	-
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	-	4.730.000
- Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiên Phong	16.935.150.960	-
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>6.050.000.000</b>	<b>5.243.000.000</b>
- Ông Trần Đăng Công	3.050.000.000	5.243.000.000
- Ông Chu Văn Phương	3.000.000.000	-

Công ty có sử dụng tài sản là nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL774600 tại số 55, Trần Văn Danh, P13, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh của ông Trần Đăng Phi để bổ sung tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 14.68.13395.01/HĐTC ngày 14/01/2014 và các văn bản sửa đổi đối với khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương – CN Vĩnh Phúc với trị giá hợp đồng là 4.894 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 3.670 triệu đồng.

Công ty có sử dụng tài sản là QSDĐ 78,6 m2 đất ở và nhà xây 2 tầng diện tích xây dựng 157,2 m2 theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AĐ326525 mang tên ông Trần Đăng Công và bà Ngô Hoài Thanh tại số 57, ngõ 185, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội đem thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 12.68.13395.01/HĐTC ngày 31/8/2012 với trị giá hợp đồng là 5.710 triệu đồng, đảm bảo cho mức dư nợ cho vay/bảo lãnh tối đa 4.282 triệu đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 02 năm 2023

**Tổng Giám đốc**



**Trần Đặng Công**

**Kế toán trưởng**

**Trần Thị Việt Oanh**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thị Nga**